

BỐI CẢNH CỦA VIỆC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

PHẠM TẮT DONG

I. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới (hiện đại) đang tạo ra những điều kiện chuyển xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức

Kể từ nửa sau thế kỷ 20, nhất là từ thập kỷ cuối cùng, thời đại trí tuệ đã mở màn nhờ sự phát triển vũ bão của khoa học và công nghệ, thể hiện ở sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghệ cao (Hightech) như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới v.v...

Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới là đưa các yếu tố thông tin và tri thức lên hàng đầu, đẩy các yếu tố cạnh tranh truyền thống như tài nguyên và quy mô sản xuất khổng lồ xuống hàng thứ yếu. Người ta gọi xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ mới là xã hội thông tin hay xã hội tri thức. Nền kinh tế tri thức đòi hỏi việc tổ chức xã hội và tổ chức kinh tế phải tập trung vào những vấn đề như sở hữu thông tin và sở hữu tri thức, phân phối trí lực, sáng tạo và sử dụng thông tin trong các ngành sản xuất ra các sản phẩm có hàm lượng cao về khoa học và công nghệ trên cơ sở đầu tư mạnh mẽ vào *tư bản con người* (Human Capital).

Xã hội loài người đang ở trong quá trình thực hiện các bước chuyển biến lớn sau đây:

1. Từ lao động chân tay chuyển sang lao động trí óc¹. Nói cách khác, nguồn nhân lực trong xã hội phải nhanh chóng được trí thức hóa. Những tiến bộ của máy tính và kỹ thuật thông tin buộc người lao động phải làm “công tác tri thức”, chứ không còn là “công tác thể lực”.

2. Từ sản xuất kiểu vật chất sang sản xuất kiểu phi vật chất². Nói cụ thể hơn là, nền sản xuất lấy hàng hóa làm cơ sở đang chuyển sang sản xuất và phân phối tri thức, lấy công nghệ thông tin làm chủ đạo. Các dịch vụ xử lý thông tin và dịch vụ tri thức sẽ ngày càng đóng góp nhiều hơn vào NGP của các quốc gia. Tri thức và thông tin trở thành đòn bẩy của tăng trưởng kinh tế.

3. Chuyển từ tính khép kín, tính khu vực sang tính mở, tính toàn cầu. Trong xu thế chuyển biến này, nền kinh tế có những đặc trưng sau: a) Sự phát triển thương mại điện tử sẽ

¹ Theo đánh giá của nhà quản lý Peter Drucker (Mỹ), công nhân cổ xanh ngành chế tạo của Mỹ năm 1950 chiếm 33%. Con số tương ứng ở năm 1960: 30%, những năm 80: 20%; giữa thập kỷ 90: <17% và ở 10 năm đầu của thế kỷ 21 là 12%.

² Theo thống kê của OECD (Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế) thì trong xã hội công nghiệp, ngân sách đầu tư chủ yếu được hướng vào mua đất công xưởng, thiết bị, công cụ tư bản; còn trong xã hội hiện đại ngày nay, phần lớn đầu tư dùng cho đổi mới tri thức và nâng cao năng lực khai thác, tạo ra vốn nhân lực, phát triển kỹ thuật thông tin.

làm cho nền kinh tế bất chấp địa lý, khoảng cách và thời gian; b) Các ngành dịch vụ, đặc biệt là tiền tệ, điện tín và vận tải đang tạo ra cho nền kinh tế thế giới một kết cấu hạ tầng toàn cầu; c) Nền kinh tế lấy tri thức làm cơ sở. Thông tin và tri thức không còn bị cột chặt trong một nước hay khu vực, mà lưu động không hạn chế và có khả năng mở rộng vô hạn; d) Kỹ thuật không biên giới mở đường cho mỗi quốc gia truy cập tri thức và thông tin được dễ dàng hơn.

4. Chuyển biến to lớn và cơ bản về quản lý tổ chức. Cuộc cách mạng thông tin với mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính, của các cơ quan, xí nghiệp đòi hỏi phải có kết cấu tổ chức và hình thức quản lý mới. Tất nhiên là phải có con người được đào tạo đủ năng lực để đảm đương nền kinh tế tri thức và quản lý tri thức.

Sự phát triển của nền kinh tế tri thức tất yếu sẽ làm thay đổi cơ cấu lao động xã hội. Xu thế chung của sự thay đổi này là tăng nhân lực trong các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ xử lý thông tin và dịch vụ tri thức³. Đó là xu thế tất yếu, không đảo ngược, và do vậy, một cuộc cách mạng (hay đổi mới) về đào tạo nguồn nhân lực đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với hầu hết các quốc gia.

II. Xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế và sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Vào thập kỷ 90, xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới biểu hiện ngày càng rõ nét thông qua những hiện tượng quy tụ các quá trình kinh tế xuyên quốc gia, làm gia tăng dòng giao lưu toàn cầu về vốn đầu tư, hàng hóa, lao động, dịch vụ ngân hàng, thông tin, v.v... Sự thâm nhập lẫn nhau về kinh tế, văn hóa giữa các quốc gia sẽ hình thành nên những mối quan hệ xã hội mới, tạo nên những cơ hội cho một số quốc gia này, song lại là thách thức đối với một số quốc gia khác.

Với mục đích tìm lợi nhuận siêu ngạch và vươn tới các đỉnh cao trong kinh doanh, các công ty xuyên quốc gia nhanh chóng mở rộng đầu tư. Các dòng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) ngày càng đổ về những nước có lợi thế về tri thức và tay nghề cao của nguồn nhân lực.

1. Cấu trúc lại nền kinh tế trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Đứng trước xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế, hầu hết các quốc gia phải cấu trúc nền kinh tế của mình theo hướng sau đây:

- Các nước phát triển cấu trúc lại nền kinh tế để nâng cao và giữ vững địa vị dẫn đầu trong các ngành kinh tế dựa trên các công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao;

- Các nước mới công nghiệp hóa tiến hành cơ cấu lại các ngành sản xuất để tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, rút ngắn lại khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến;

- Các nước đang phát triển cấu trúc lại các ngành kinh tế nhằm lợi dụng làn sóng đổi mới và chuyển giao công nghệ để đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước.

Trên bước đường đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam chắc chắn phải cấu trúc lại nền kinh tế của mình, và đương nhiên, phải có một chiến lược nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu đó.

2. Xu thế toàn cầu hóa và những thách thức đặt ra cho các quốc gia đang phát triển.

³ Theo báo cáo của OECD, trong năm 1995, lao động ở Anh (tính theo%) có kết cấu như sau: Nông nghiệp: 2; Công nghiệp: 26; Dịch vụ: 75. Con số tương ứng ở Mỹ là 3, 24, 73; ở Nhật Bản: 6, 34, 61; ở Pháp là: 5, 27, 69; và ở Đức: 3, 38, 59. Theo một dự báo thì ở Việt Nam, kết cấu lao động trong năm 2000 là 63, 20 và 17. Chắc chắn là, khoảng 10-20 năm tới, tháp kết cấu này sẽ phải thay đổi cơ bản.

Với các nước đang phát triển, toàn cầu hóa là một xu thế mà qua đó có thể thấy được những cơ hội phát triển của mình. Tuy nhiên, cần thấy hết những thách thức quan trọng:

- Tự do hóa thương mại được thể hiện trong việc giảm và bãi bỏ thuế quan, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hóa, đồng thời cũng đặt các nước này vào thế phải đối mặt với sự cạnh tranh hàng hóa từ bên ngoài tràn vào. Đối với các nước có trình độ kinh tế, khoa học và công nghệ còn thấp thì sức ép cạnh tranh này rất lớn;

- Các nước phát triển thường lợi dụng toàn cầu hóa trong lĩnh vực đầu tư dịch vụ, tài chính, thông tin... để khống chế nền kinh tế thế giới. Vì vậy, các nước đang phát triển có nguy cơ hứng chịu những thua thiệt và bị tụt hậu xa hơn nữa⁴. Để tránh các nguy cơ nói trên, các nước đi sau phải tiến hành đổi mới để thích ứng với xu thế của thời đại, đồng thời phải hoạch định chiến lược linh hoạt để ứng phó với mọi biến động có thể xảy ra, nhất là sự xáo động thường xuyên của thị trường thế giới;

- Toàn thế giới sẽ tiến tới một thị trường thống nhất. Nền kinh tế của các quốc gia sẽ ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, không một nước nào, cho dù là siêu cường kinh tế cũng không thể phát triển một cách biệt lập. Cho nên, hệ thống kinh tế, khoa học và công nghệ phải tương thích với các thông lệ quốc tế. Việc tiếp cận và thích ứng thể chế chung của xu thế toàn cầu hóa luôn đòi hỏi các quốc gia, các chính phủ phải cân nhắc về phương diện chính trị một cách tỉnh táo và có lập trường kiên định chứ không nên đặt sự cân nhắc kinh tế lên hàng đầu.

3. Toàn cầu hóa và vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc

Trong xu thế toàn cầu hóa, vấn đề văn hóa là một lĩnh vực có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đòi hỏi mỗi quốc gia phải có thái độ lựa chọn và sự cân nhắc hết sức nghiêm túc. Sự buôn bán, giao dịch giữa các quốc gia càng mở rộng, thị trường các quốc gia càng liên thông thì cùng với các hàng hóa như thiết bị và máy móc, lương thực và thực phẩm, thuốc men và các dụng cụ y tế, hóa mỹ phẩm và hàng tiêu dùng v.v..., các sách báo, phim ảnh, băng nhạc, một thời trang cũng ò ạt đổ vào các cửa hàng, các chợ, các trung tâm bán buôn và bán lẻ, các siêu thị.

Sự xuất khẩu văn hóa đã tạo ra “Chủ nghĩa đế quốc văn hóa” có khả năng thâm nhập vào các nước qua các kênh phát thanh, truyền hình, du lịch v.v... Nếu các giá trị văn hóa dân tộc không được giữ gìn và phát huy thì sự hội nhập vào thế giới hiện đại sẽ làm cho dân tộc bị mất bản sắc của mình.

III. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 30-7-1994, Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII) đã ra Nghị quyết 07-NQ/HNTW về “Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới”. Nghị quyết đã khẳng định: “Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật

⁴ Báo cáo về “Sự phát triển nhân loại 1999” của UNDP (Tổ chức chương trình phát triển Liên hiệp quốc) viết: “Các thế lực của quá trình toàn cầu hóa đã mang lại sự giàu có vô độ cho những người biết tận dụng lợi thế của các luồng hàng hóa, dịch vụ đang tràn qua các đường biên giới quốc gia”. Theo báo cáo này, các nước công nghiệp phát triển tuy chỉ chiếm 1/5 dân số (khoảng 1,2 tỷ người), nhưng chiếm tới 86% GDP toàn cầu, 4/5 thị trường xuất khẩu, 1/3 đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Trong khi đó, các nước nghèo chiếm 1/5 dân số thế giới lại chỉ tạo được tổng sản phẩm bằng 1% GDP của toàn thế giới.

hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh”.

Việc chuẩn bị nguồn nhân lực đủ năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ cho thập kỷ sắp tới cần chú trọng các vấn đề cốt lõi dưới đây:

1. Làm chủ công nghệ cao là yêu cầu hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ của khoa học và công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khái niệm trung tâm là công nghệ mới. Công nghiệp hóa là quá trình trang bị hoặc trang bị lại công nghệ mới cho các ngành sản xuất, trước hết là các ngành then chốt. Làm chủ công nghệ mới, nhất là công nghệ cao, biến công nghệ nhập thành của mình, nắm chắc nó, sử dụng nó, từ đó xây dựng năng lực sáng tạo công nghệ mới là yêu cầu rất cơ bản đối với nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Cạnh tranh khoa học, công nghệ và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Những nước có thực lực phát triển đều coi việc chiếm lĩnh công nghệ cao là hướng chủ công chiến lược, coi chiến lược phát triển công nghệ cao là bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế - xã hội và chiến lược an ninh quốc gia. Công nghệ cao là điểm cao lõi cuốn kinh tế phát triển. Do vậy, cạnh tranh kinh tế thế giới được thể hiện tập trung ở cạnh khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải phát triển một số ngành công nghệ cao, phải thúc đẩy được năng lực cạnh tranh và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai trong sản xuất và nghiên cứu thị trường ở quy mô thế giới⁵. Yếu tố quyết định để nắm được công nghệ cao là yếu tố trí tuệ của nguồn nhân lực. Khi khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì lao động trí óc có vai trò nòng cốt trong nền sản xuất sử dụng công nghệ cao.

3. Đào tạo nhân tài - một trọng điểm của chiến lược phát triển nguồn nhân lực, một chính sách quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nguồn nhân lực có chất lượng cao về trí tuệ và tay nghề ngày càng trở thành lợi thế cạnh tranh cho mỗi quốc gia. Việc vận dụng những tiến bộ công nghệ và tri thức khoa học, việc mở rộng những ngành nghề mới v.v... đang dẫn đến tình trạng thiếu nhân tài ở các nước trên thế giới. Để có đội ngũ nhân tài đáp ứng những yêu cầu cao của quá trình công nghiệp

⁵ Theo James H.Mittelman thì chiến trường chính của khoa học và công nghệ sau năm 2000 là 3 nhóm công nghệ cao: Công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới. Công nghệ cao về tin học sẽ đưa thế kỷ 21 đến "thời đại kinh tế phần mềm" và những ai không chế được phần mềm sẽ không chế được phần cứng của máy tính. Công nghệ cao về sinh học sẽ dẫn nhân loại đến ranh giới khó phân biệt giữa tự nhiên và nhân tạo. Công nghệ cao về vật liệu sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống, đặc biệt là sẽ thực hiện được "đường cao tốc thông tin".

hóa, hiện đại hóa, những điều kiện sau đây phải được đảm bảo bằng những chính sách quốc gia:

- Một nền giáo dục dựa trên mặt bằng dân trí ngày càng được nâng cao phải thường xuyên đổi mới để đào tạo được nguồn nhân lực có trình độ trí tuệ và tay nghề cao, theo kịp đà vận động của kinh tế và tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại;

- Một hệ thống chính sách tạo cơ hội xuất hiện và phát triển tài năng trẻ, phát huy mạnh mẽ năng lực sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trong nước, thu hút được nhân tài của các quốc gia.

- Một hệ thống hỗ trợ và phát triển môi trường nghiên cứu để liên tục tăng trưởng kho tàng trí tuệ của đất nước.

IV. Xu thế tăng cường đầu tư vào nguồn nhân lực con người và xây dựng chiến lược cải thiện đời sống nhân dân

1. Để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển nhanh và bền vững ở đầu thế kỷ 21, nhiều quốc gia đã thực sự coi đầu tư vào nguồn lực con người là một hướng ưu tiên. Sự đầu tư vào tư bản con người của Hoa Kỳ có mục tiêu làm cho nhân dân của quốc gia này có năng lực cạnh tranh nhất thế giới. Nhiều quốc gia ở châu Á đầu tư mạnh mẽ vào việc tăng tiềm năng trí tuệ để thực hiện chiến lược “Công nghiệp hóa đuổi kịp”. Rất nhiều nước đã xác định đầu tư vào con người để tạo ra chiếc chìa khóa thần kỳ, mở lối cho “các xã hội đang hiện đại hóa” (Modernizing societies) tăng tốc cho kịp các “xã hội đã hiện đại hóa” (Modernized societies).

2. Ở Việt Nam, để đưa đất nước thành một nước công nghiệp, trước hết phải xác định rõ quan niệm về nguồn nhân lực dưới ánh sáng của tư tưởng “Con người là động lực và là mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội”. Nội dung cơ bản của quan niệm đó là:

- Nguồn nhân lực là tổng thể những tiềm năng lao động của xã hội nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như việc tổ chức, quản lý, điều hành đất nước. Đó là tài nguyên quan trọng nhất, cơ bản nhất của quốc gia, là yếu tố động nhất và quyết định nhất của lực lượng sản xuất.

- Phát triển nguồn nhân lực chính là phát huy nhân tố con người, gia tăng toàn diện giá trị con người trên các mặt trí tuệ, đạo đức, thể lực, năng lực lao động sáng tạo và bản lĩnh chính trị, đồng thời phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả nhất năng lực sáng tạo của con người để phát triển đất nước. Đi tắt đón đầu để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công hay không là tùy thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực. Với tinh thần đó, *chiến lược phát triển nguồn nhân lực là một bộ phận quan trọng hàng đầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.*

Xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, những mặt mạnh, mặt yếu của con người Việt Nam và những nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chiến lược phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2001-2010 phải tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản là:

- Nâng cao chất lượng toàn diện con người Việt Nam, khai thác và phát huy tiềm năng lao động dồi dào của đất nước, đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn mở đầu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thời kỳ 2001-2010;

- Chuẩn bị và hình thành được nguồn nhân lực cho bước phát triển mạnh mẽ của đất nước trong thời kỳ tiếp theo. Đó là đội ngũ lao động có cơ cấu hợp lý, làm chủ được những tiến bộ về công nghệ và tri thức khoa học tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng tâm hiệp lực, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Để có được nguồn nhân lực dồi dào về số lượng và có chất lượng cao, việc cải thiện đời sống nhân dân là một giải pháp chiến lược có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nội dung cơ bản của vấn đề cải thiện đời sống nhân dân là thoả mãn các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa ở mức cần thiết. Điều đó đòi hỏi phải tăng nhanh số lượng và chất lượng của cải vật chất và tinh thần của xã hội, giữ được mức dân số hợp lý, đồng thời giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước tăng trưởng kinh tế.

Cải thiện đời sống nhân dân trong điều kiện kinh tế còn chưa phát triển cao sẽ là yếu tố quan trọng góp phần tạo ra động lực mới, thúc đẩy phát triển và phát huy nguồn nhân lực, bảo đảm thực hiện thành công chiến lược kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chiến lược cải thiện đời sống nhân dân hướng vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Xác định phương hướng và bước đi nhằm cụ thể hóa và thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Lựa chọn những mục tiêu ưu tiên và những giải pháp chủ yếu mang tính đột phá, để cải thiện một bước rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thời kỳ 2001-2010 thông qua các chính sách cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội.

- Xác định những hình thức dịch vụ xã hội và những phúc lợi xã hội cần thiết và có khả năng thực thi trong giai đoạn 2001-2010, xây dựng những chương trình phát triển sản xuất và an sinh xã hội như: việc làm, xoá đói giảm nghèo, an toàn lương thực, phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí, chống các tệ nạn xã hội và hiểm họa AIDS, bảo vệ môi sinh, v.v...